TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/ HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: *Bà* Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 2000. Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã V, tỉnh Thanh Hóa) ; địa chỉ tạm trú: số A, đường D, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

- Bị đơn: Ông Trịnh Văn C, sinh năm 1993. Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã V, tỉnh Thanh Hóa) ; địa chỉ tạm trú: số A, đường D, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị T và ông Trịnh Văn C tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 09/05/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn tại thành phố D, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn vào khoảng đầu năm 2021. Nguyên nhân: Do tính tình không hợp, thường xuyên tranh cãi, luôn bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng đã trao đổi nhưng không có tiếng nói chung. Nay bà Lê Thị T xác định tình cảm giữa vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, nên bà Lê Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Lê Thị T và ông Trịnh Văn C có 01 con chung Trịnh Anh T1, sinh ngày 20/07/2020 đang ở chung với bà Lê Thị T và ông Trịnh Văn C. Sau ky hôn bà Lê Thị T đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Trịnh Văn C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Trịnh Văn C:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn ông Trịnh Văn C có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Lê Thị T nhưng ông Trịnh Văn C không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 04/6/2025 và tham gia phiên tòa vào ngày 24/6/2025 và ngày 24/7/2025 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trịnh Văn C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 24/6/2025 và ngày 24/7/2025 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và Trịnh Văn C tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 09/05/2019 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị T thấy rằng: Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy

ra tranh cãi. Nay, bà Lê Thị T xác định tình cảm vợ chồng với ông Trịnh Văn C không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu được ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập ông Trịnh Văn C đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Trịnh Văn C không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Vì vậy, xét thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng nên yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà Lê Thị T và ông Trịnh Văn C có 01 con chung tên Trịnh Anh T1, sinh ngày 20/07/2020. Bà Lê Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Trịnh Văn C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1. Hội đồng xét xử xét thấy: việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng tại Tòa án ông Trịnh Văn C vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Xét thấy cháu Trịnh Anh T1 là con gái và còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Đồng thời, hiện nay cháu Trịnh Anh T1 đang do bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Lê Thị T. Ông Trịnh Văn C có quyền thăm nom con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T về việc không yêu cầu ông Trịnh Văn C cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Lê Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T về việc ly hôn với bị đơn ông Trịnh Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Trịnh Văn C theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 do Ủy ban nhân dân V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 09/05/2019.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trịnh Văn C giao con chung tên Trịnh Anh T1, sinh ngày 20/07/2020 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự nguyện của bà Lê Thị T về việc không yêu cầu ông Trịnh Văn C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001597 ngày 27/09/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM (01);
- VKSND khu vực 16, TP.HCM (01);
- Thi hành án DSTP.HCM (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Thị Uyên